

Số: 1168/QĐ-NTT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 08 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGUYỄN TẤT THÀNH

Căn cứ Luật giáo dục đại học và Luật sửa đổi bổ sung luật giáo dục đại học; Nghị định 99/2019 ngày 30 tháng 12 năm 2019;

Căn cứ vào thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 621/QĐ-TTg ngày 26 tháng 4 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ thành lập Trường Đại học Nguyễn Tất Thành;

Căn cứ Quyết định số 02/QĐ-HĐT ngày 11 tháng 8 năm 2020 của Hội đồng Trường về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nguyễn Tất Thành;

Theo đề nghị của Viện trưởng Viện Đào tạo Sau đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường Đại học Nguyễn Tất Thành.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và được áp dụng từ khóa tuyển sinh trình độ tiến sĩ năm 2022.

Điều 3. Các Ông (Bà) Chánh Văn phòng Trường; Viện trưởng Viện Đào tạo Sau đại học, Trưởng khoa; Các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Hội đồng Trường (Đề b/c);
- Ban Giám hiệu;
- Như Điều 3;
- Các khoa, phòng ban;
- Lưu: VT, SDH.

[Handwritten signature]



TS. Trần Ái Cẩm

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGUYỄN TẮT THÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Tuyển sinh và đào tạo trình độ Tiến sĩ

(Ban hành kèm theo Quyết định 116.8/QĐ-NTT ngày 29 tháng 8 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nguyễn Tất Thành)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định về tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường Đại học Nguyễn Tất Thành bao gồm: tuyển sinh; tổ chức và quản lý đào tạo; luận án và bảo vệ luận án; tốt nghiệp và cấp bằng; giảng viên và người học; tổ chức thực hiện.

2. Quy định này áp dụng đối với các đơn vị và cá nhân tham gia vào quá trình tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Nhà trường; tổ chức và cá nhân có liên quan.

Điều 2. Thời gian và hình thức đào tạo

1. Thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ đối với người có bằng thạc sĩ là 3 năm (36 tháng) tập trung liên tục; đối với người có bằng tốt nghiệp đại học là 4 năm (48 tháng) tập trung liên tục.

2. Trường hợp nghiên cứu sinh không theo học tập trung được và được Nhà trường chấp nhận thì chương trình đào tạo và nghiên cứu của nghiên cứu sinh phải có tổng thời gian học và nghiên cứu như quy định tại khoản 1 Điều này, trong đó có ít nhất 12 tháng tập trung liên tục tại Nhà trường để thực hiện đề tài nghiên cứu.

3. Nghiên cứu sinh được phép hoàn thành chương trình đào tạo sớm hơn so với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa không quá 01 năm (12 tháng), hoặc chậm hơn so với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa nhưng tổng thời gian đào tạo không vượt quá 06 năm (72 tháng) tính từ ngày quyết định công nhận nghiên cứu sinh có hiệu lực đến thời điểm hoàn thành các thủ tục trình luận án cho Nhà trường, trước khi thực hiện quy trình phản biện độc lập và thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường. Thời gian nghiên cứu sinh được điều động vào lực lượng vũ trang và nghỉ hộ sản theo quy định Nhà nước không tính trong thời gian đào tạo.

4. Đào tạo trình độ tiến sĩ được thực hiện theo hình thức chính quy; nghiên cứu sinh phải dành đủ thời học tập, nghiên cứu tại Nhà trường theo kế hoạch đã được phê duyệt; trong đó khi đăng kí đủ 30 tín chỉ trong một năm học được xác định là tập trung toàn thời gian.

Điều 3. Chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ nhằm giúp nghiên cứu sinh hoàn chỉnh và nâng cao kiến thức, có hiểu biết sâu về kiến thức chuyên ngành; có kiến thức rộng về các ngành liên quan; hỗ trợ nghiên cứu sinh rèn luyện khả năng nghiên cứu, khả năng xác định vấn đề và độc lập giải quyết các vấn đề có ý nghĩa trong lĩnh vực chuyên môn, khả năng thực hành cần thiết. Nội dung chương trình phải hỗ trợ nghiên cứu sinh tự học những kiến thức nền tảng, vững chắc về các học thuyết và lý luận của ngành, chuyên ngành; các kiến thức có tính ứng dụng của chuyên ngành; phương pháp luận, phương pháp nghiên cứu, phương pháp viết các bài báo khoa học và trình bày kết quả nghiên cứu trước các nhà nghiên cứu trong nước và quốc tế.

2. Phương pháp đào tạo trình độ tiến sĩ được thực hiện chủ yếu bằng tự học, tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên, nhà khoa học; coi trọng rèn luyện thói quen nghiên cứu khoa học, phát triển tư duy sáng tạo trong phát hiện, giải quyết những vấn đề chuyên môn.

3. Chương trình đào tạo tiến sĩ có khối lượng học tập tối thiểu 90 tín chỉ đối với nghiên cứu sinh có bằng tốt nghiệp thạc sĩ và tối thiểu 120 tín chỉ đối với nghiên cứu sinh có bằng đại học.

4. Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ gồm:

- a) Tối thiểu 80% nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ;
- b) Tối đa 16 tín chỉ các học phần, môn học bắt buộc hoặc tự chọn đối với đầu vào trình độ thạc sĩ;
- c) Tối thiểu 30 tín chỉ các học phần, môn học bắt buộc hoặc tự chọn đối với đầu vào trình độ đại học.

5. Việc xây dựng chương trình đào tạo tiến sĩ thực hiện theo quy định về xây dựng chương trình đào tạo của Trường. Chương trình đào tạo phải được rà soát định kỳ ít nhất 5 năm một lần

Chương II**TUYỂN SINH****Điều 4. Thời gian và phương thức tuyển sinh**

1. Tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ được tổ chức tối thiểu 1 lần/năm.
2. Phương thức tuyển sinh: thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp giữa thi tuyển và xét tuyển thi tuyển. Trong trường hợp không thể tổ chức thi trực tiếp, Nhà trường tổ chức tuyển sinh trực tuyến đáp ứng những điều kiện đảm bảo chất lượng như đối với tuyển sinh trực tiếp.

Điều 5. Điều kiện dự tuyển

Người dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ phải có các điều kiện sau:

1. Có bằng thạc sĩ phù hợp với chuyên ngành đăng kí dự tuyển. Trường hợp chưa có bằng thạc sĩ thì phải có bằng tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên ngành phù hợp với ngành đăng kí dự tuyển, hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp với ngành đào tạo tiến sĩ;

2. Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu; hoặc bài báo, báo cáo khoa học đã công bố; hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ;

3. Có Phiếu đăng kí dự xét tuyển nghiên cứu sinh, một dự thảo/bài luận về dự định nghiên cứu, trong đó trình bày rõ ràng đề tài hoặc lĩnh vực nghiên cứu, lý do lựa chọn lĩnh vực nghiên cứu, mục tiêu và mong muốn đạt được, lý do lựa chọn Nhà trường; dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa thực hiện trong từng thời kỳ của thời gian đào tạo; những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như những chuẩn bị của thí sinh trong vấn đề hay lĩnh vực dự định nghiên cứu; dự kiến việc làm sau khi tốt nghiệp; đề xuất người hướng dẫn.

4. Có đủ trình độ ngoại ngữ để tham khảo tài liệu, tham gia hoạt động quốc tế về chuyên môn phục vụ nghiên cứu khoa học và thực hiện đề tài luận án quy định tại khoản 2 Điều 7 của Thông tư 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng kí theo học chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài và phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai do Hiệu trưởng quyết định, trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

6. Cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với quá trình đào tạo theo quy định của Nhà trường (đóng học phí; hoàn trả kinh phí với nơi đã cấp cho quá trình đào tạo nếu không hoàn thành luận án tiến sĩ).

Điều 6. Kế hoạch tuyển sinh hàng năm

1. Kế hoạch tuyển sinh và đào tạo tiến sĩ của Nhà trường được xây dựng vào đầu mỗi năm học.

2. Kế hoạch tuyển sinh bao gồm:

- a) Thời gian dự tuyển
- b) Các ngành tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh
- c) Phân công các phòng ban, cá nhân hỗ trợ công việc tuyển sinh
- d) Dự trù kinh phí tuyển sinh, chính sách tuyển sinh
- e) Học phí ngành học
- f) Các nội dung khác (nếu có)

3. Viện Đào tạo Sau đại học phối hợp các đơn vị liên quan dự thảo kế hoạch trình Hiệu trưởng kí duyệt ban hành.

Điều 7. Thông báo tuyển sinh

1. Chậm nhất 30 ngày làm việc trước mỗi kỳ tuyển sinh, Nhà trường phải ra thông báo tuyển sinh.

2. Thông báo tuyển sinh được đăng tại website Viện Đào tạo Sau đại học (saudaihoc.ntt.edu.vn), gửi đến các đơn vị có liên quan và trên các phương tiện thông tin đại chúng khác, trong đó nêu rõ:

- a) Thông tin về đối tượng và điều kiện dự tuyển; ngành tuyển sinh và yêu cầu chuyên môn phù hợp;
- b) Chỉ tiêu tuyển sinh của từng chuyên ngành đào tạo;
- c) Kế hoạch và phương thức tuyển sinh;

- d) Hồ sơ dự tuyển và thời gian nhận hồ sơ;
- e) Thời gian xét tuyển, thời gian công bố kết quả tuyển chọn và thời gian nhập học;
- f) Học phí, các chính sách miễn giảm học phí và hỗ trợ kinh phí cho nghiên cứu sinh trong quá trình học tập (nếu có)
- g) Các yêu cầu, thông tin cần thiết khác đối với thí sinh trong kỳ tuyển sinh.

Điều 8. Tổ chức tuyển sinh

1. Viện Đào tạo Sau đại học căn cứ vào kế hoạch tuyển sinh và thông báo tuyển sinh thực hiện tiếp nhận hồ sơ, và xử lý các vấn đề trong quá trình tuyển sinh, thông báo kết quả của xét tuyển.

2. Các bước thực hiện như sau:

- a) Viện Đào tạo Sau đại học tham mưu lập hội đồng tuyển sinh và các ban triển khai công việc cho hội đồng;
- b) Thí sinh nộp hồ sơ dự tuyển về Viện Đào tạo Sau đại học theo thông báo;
- c) Viện Đào tạo Sau đại học tổng hợp hồ sơ thí sinh đã nộp, nhập thông tin dữ liệu thí sinh.

3. Quy trình tổ chức xét tuyển

a) Viện Đào tạo Sau đại học lập bảng thống kê kết quả học tập điểm trung bình toàn khóa của Bảng điểm Thạc sĩ (hoặc Đại học) theo thang điểm 10 hoặc tương đương;

b) Hội đồng tuyển sinh căn cứ vào quy chế tuyển sinh công bố, đối tượng ưu tiên, chỉ tiêu tuyển sinh từng ngành để xét theo kết quả từ trên xuống thấp đến đủ số lượng với chỉ tiêu đã thông báo;

c) Quy trình xét tuyển được quy định tại Điều 12.

4. Quy trình tổ chức thi tuyển

a) Viện Đào tạo Sau đại học chủ trì phối hợp với các ban giúp việc của hội đồng tuyển sinh tổ chức thi tuyển các môn thi đầu vào.

b) Quy trình thi tuyển như quy trình thi tuyển sinh trình độ thạc sĩ.

Điều 9. Hội đồng tuyển sinh

1. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh. Thành phần của Hội đồng tuyển sinh gồm:

- a) Chủ tịch: Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng uỷ quyền;
- b) Ủy viên thường trực: Viện trưởng hoặc Phó trưởng Viện Đào tạo Sau đại học.
- c) Các uỷ viên: Trưởng bộ môn/khoa của các chuyên ngành có thí sinh đăng kí dự tuyển và một số phòng ban liên quan.

Những người có người thân (vợ, chồng, con, anh chị em ruột) dự tuyển không được tham gia Hội đồng tuyển sinh và các ban giúp việc cho Hội đồng tuyển sinh.

2. Trách nhiệm và quyền hạn của Hội đồng tuyển sinh:

- a) Tổ chức xét tuyển/thi tuyển và công nhận trúng tuyển;
- b) Tổng kết công tác tuyển sinh; đề xuất khen thưởng, kỷ luật.

3. Trách nhiệm và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh:

- a) Phổ biến, hướng dẫn, tổ chức thực hiện các quy định về tuyển sinh quy định;
- b) Quyết định và chịu trách nhiệm toàn bộ các mặt công tác liên quan đến tuyển sinh theo quy định; đảm bảo quá trình tuyển chọn được công khai, minh bạch, có trách nhiệm trước xã hội, theo kế hoạch chỉ tiêu đào tạo và các hướng nghiên cứu của Nhà trường;

c) Quyết định thành lập và chỉ đạo trực tiếp các ban giúp việc cho Hội đồng tuyển sinh bao gồm Ban Thư kí và các ban chuyên môn.

Điều 10. Ban Thư kí tuyển sinh

1. Thành phần Ban Thư kí tuyển sinh gồm có: Trưởng ban do Ủy viên thường trực Hội đồng tuyển sinh kiêm nhiệm và các uỷ viên.

2. Trách nhiệm và quyền hạn của Ban Thư kí tuyển sinh;

- a) Nhận và xử lý hồ sơ của thí sinh dự tuyển; thu lệ phí dự tuyển;
- b) Lập danh sách trích ngang các thí sinh đủ điều kiện dự tuyển cùng hồ sơ hợp lệ của thí sinh tới khoa chuyên môn;
- c) Tiếp nhận kết quả đánh giá xét tuyển của các hội đồng chuyên môn, tổng hợp trình Hội đồng tuyển sinh xem xét;
- d) Gửi giấy báo kết quả xét tuyển cho tất cả các thí sinh dự tuyển.

3. Trách nhiệm của Trưởng ban Thư kí:

Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh trong việc điều hành công tác của Ban Thư kí.

Điều 11. Ban chuyên môn

1. Căn cứ hồ sơ dự tuyển, chuyên ngành và hướng nghiên cứu của các thí sinh, Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh quyết định thành lập các ban chuyên môn và thành viên của từng ban chuyên môn xét tuyển nghiên cứu sinh.

2. Ban chuyên môn xét tuyển nghiên cứu sinh có ít nhất 3 người có trình độ tiến sĩ trở lên, am hiểu lĩnh vực và vấn đề dự định nghiên cứu của thí sinh, là thành viên của Bộ môn, cán bộ khoa học, giảng viên trong khoa thuộc trường hoặc ngoài trường do Trưởng Bộ môn/khoa mời (nếu cần) và người dự kiến hướng dẫn nếu thí sinh trúng tuyển. Thành phần Ban chuyên môn gồm có Trưởng ban, thư kí và các thành viên.

3. Ban chuyên môn có trách nhiệm tổ chức xem xét đánh giá hồ sơ dự tuyển, bài luận về dự định nghiên cứu và việc trình bày, trao đổi xung quanh dự định nghiên cứu của thí sinh, xếp loại các thí sinh dự tuyển theo thang điểm 10 hoặc không tuyển; gửi kết quả về Ban Thư kí tổng hợp báo cáo Hội đồng tuyển sinh.

Điều 12. Quy trình xét tuyển nghiên cứu sinh

1. Thành viên Ban chuyên môn xét tuyển nghiên cứu sinh đánh giá phân loại thí sinh thông qua hồ sơ dự tuyển, kết quả học tập ở trình độ đại học, thạc sĩ; trình độ ngoại ngữ; thành tích nghiên cứu khoa học đã có; kinh nghiệm hoạt động chuyên môn; chất lượng bài luận về dự định nghiên cứu; ý kiến nhận xét đánh giá và ủng hộ thí sinh trong hai thư giới thiệu.

2. Thí sinh trình bày về vấn đề dự định nghiên cứu và kế hoạch thực hiện trước Ban chuyên môn xét tuyển nghiên cứu sinh. Vấn đề dự định nghiên cứu của thí sinh phải phù hợp với các lĩnh vực, hướng nghiên cứu mà Bộ môn chuyên môn đang thực hiện, có người đủ tiêu chuẩn theo quy định đồng ý nhận hướng dẫn. Các thành viên Ban chuyên môn đặt các câu hỏi phỏng vấn để đánh giá thí sinh về các mặt: tính cách, trí tuệ, sự rõ ràng về ý tưởng đối với các mong muốn đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo tiến sĩ, tính khả thi trong kế hoạch để đạt những mong muốn đó và những tư chất cần có của một nghiên cứu sinh.

3. Căn cứ các yêu cầu đánh giá, Ban chuyên môn đánh giá thí sinh bằng chấm điểm theo thang điểm 10. Các thành viên chấm điểm độc lập, từng thành viên cho điểm đánh giá lẻ đến 0,5. Điểm của thí sinh là trung bình cộng điểm của các thành viên có mặt, lấy đến 1 chữ số thập phân (không làm tròn số).

Ban chuyên môn tổng hợp kết quả đánh giá của các thành viên, lập Báo cáo tổng hợp kết quả xét tuyển nghiên cứu sinh, trong đó các thí sinh được xếp thứ tự theo điểm đánh giá từ cao xuống thấp đến khi đủ chỉ tiêu, thí sinh trúng tuyển phải đạt từ 5,0 trở lên và chuyển kết quả về Ban Thư kí Hội đồng tuyển sinh.

4. Ban thư kí Hội đồng tuyển sinh có trách nhiệm kiểm tra lại hồ sơ dự tuyển, chuyển kết quả xếp loại xét tuyển cho Hội đồng tuyển sinh. Hội đồng tuyển sinh xác định danh sách thí sinh trúng tuyển căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh đã được Hiệu trưởng quyết định cho từng chuyên ngành đào tạo. Kết quả xếp loại và công nhận các thí sinh sẽ được trình Hiệu trưởng phê duyệt.

Điều 13. Công nhận và triệu tập thí sinh trúng tuyển

1. Căn cứ danh sách thí sinh trúng tuyển đã được Hiệu trưởng phê duyệt, Viện Đào tạo Sau đại học trình Hiệu trưởng quyết định công nhận trúng tuyển và gửi giấy gọi nhập học đến các thí sinh trúng tuyển.

2. Thủ tục đăng kí nhập học của nghiên cứu sinh được quy định như sau:

a) Trong vòng 30 ngày kể từ ngày thí sinh nhận quyết định trúng tuyển, nghiên cứu sinh phải đến Viện Đào tạo Sau đại học để làm thủ tục nhập học, đóng học phí, đăng kí phòng thí nghiệm nghiên cứu (nếu có), đăng kí sinh hoạt khoa học với bộ môn/khoa, đăng kí môn học tham gia giảng dạy để bộ môn/khoa phân công.

b) Sau khi thực hiện đầy đủ thủ tục đăng kí nhập học, Hiệu trưởng ra quyết định công nhận nghiên cứu sinh, hướng nghiên cứu hoặc đề tài nghiên cứu (nếu đã xác định), chuyên ngành, người hướng dẫn và thời gian đào tạo của nghiên cứu sinh và bộ môn/khoa chuyên môn quản lý.

c) Thí sinh trúng tuyển không thực hiện thủ tục đăng kí nhập học theo thời gian quy định không được công nhận là nghiên cứu sinh của Nhà trường.

Chương III**TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ ĐÀO TẠO****Mục 1****TỔ CHỨC ĐÀO TẠO****Điều 14. Tổ chức hoạt động đào tạo, học tập nghiên cứu**

1. Đào tạo trình độ tiến sĩ được triển khai theo hình thức chính quy ở các cơ sở của Nhà trường, trừ một số hoạt động khảo sát, nghiên cứu, thí nghiệm hoặc đào tạo trực tuyến có thể được thực hiện ở ngoài cơ sở của Nhà trường.

2. Nhà trường tổ chức giảng dạy, đánh giá các học phần theo hình thức trực tuyến hoặc kết hợp giữa trực tuyến và trực tiếp khi đáp ứng quy định hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức đào tạo qua mạng; có giải pháp bảo đảm chất lượng các lớp học này không thấp hơn chất lượng lớp học trực tiếp.

3. Việc đánh giá và tính điểm học phần trong chương trình đào tạo tiến sĩ được áp dụng quy định về đánh giá và tính điểm học phần theo quy chế đào tạo trình độ đại học.

4. Việc tổ chức dạy và học các học phần bổ sung, các học phần ở trình độ tiến sĩ phải được triển khai tại Trường Đại học Nguyễn Tất Thành. Trong trường hợp Nhà trường không đào tạo chương trình có học phần cần bổ sung cho nghiên cứu sinh thì gửi nghiên cứu sinh theo học ở các cơ sở đào tạo khác đã được phép đào tạo chương trình có học phần này theo thỏa thuận giữa Nhà trường với cơ sở đào tạo phù hợp.

5. Khi tiếp nhận nghiên cứu sinh, trên cơ sở các văn bằng và bảng điểm mà nghiên cứu sinh đã đạt được, Khoa chuyên môn cùng với Viện Đào tạo Sau đại học xem xét và xác định các học phần chuyển đổi, bổ sung (nếu có) cho từng nghiên cứu sinh, trình Hiệu trưởng quyết định.

6. Việc tổ chức đánh giá kết quả học tập và nghiên cứu của nghiên cứu sinh phải đảm bảo các yêu cầu sau đây:

- a) Điểm hoàn thành các học phần bổ sung, chuyển đổi là từ 4.0 trở lên.
- b) Điểm hoàn thành các học phần trình độ tiến sĩ là từ 6.0 trở lên.

Điều 15. Công nhận kết quả học tập đã tích lũy và các học phần bổ sung

Các học phần bổ sung là các học phần giúp nghiên cứu sinh có đủ kiến thức và trình độ chuyên môn để thực hiện nhiệm vụ của nghiên cứu sinh.

1. Đối với nghiên cứu sinh chưa có bằng thạc sĩ: các học phần bổ sung bao gồm các học phần ở trình độ thạc sĩ thuộc chuyên ngành tương ứng có khối lượng từ 30 tín chỉ trở lên.

2. Đối với nghiên cứu sinh đã có bằng thạc sĩ nhưng ở chuyên ngành gần với chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ, hoặc có bằng thạc sĩ đúng chuyên ngành nhưng do trường khác cấp thì trên cơ sở đối chiếu với chương trình đào tạo hiện tại, Nhà trường yêu cầu nghiên cứu sinh học bổ sung các học phần cần thiết theo yêu cầu của chuyên ngành đào tạo và lĩnh vực nghiên cứu.

3. Trường hợp cần thiết, nếu chương trình đào tạo trình độ đại học của nghiên cứu sinh còn thiếu những môn học, học phần có vai trò quan trọng cho việc đào tạo trình độ tiến sĩ, Hiệu trưởng có thể yêu cầu nghiên cứu sinh học bổ sung một số học phần ở trình độ đại học.

4. Khoa và Bộ môn chuyên môn xây dựng khối lượng tín chỉ và nội dung các học phần nghiên cứu sinh cần học bổ sung theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này trong các bản ban hành chương trình đào tạo để Hiệu trưởng quyết định.

Điều 16. Các học phần ở trình độ tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan

1. Các học phần ở trình độ tiến sĩ giúp nghiên cứu sinh cập nhật các kiến thức mới trong lĩnh vực chuyên môn; nâng cao trình độ lý thuyết, phương pháp luận nghiên cứu và khả năng ứng dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học quan trọng, thiết yếu của lĩnh vực nghiên cứu, bao gồm các học phần bắt buộc và các học phần lựa chọn, trong đó các học phần bắt buộc là những học phần căn bản, liên quan đến những kiến thức cốt lõi ở mức độ cao của ngành và chuyên ngành. Các học phần lựa chọn có nội dung chuyên sâu phù hợp với đề tài nghiên cứu sinh hoặc hỗ trợ rèn luyện các phương pháp nghiên cứu chuyên ngành và liên ngành, cách viết bài báo khoa học.

2. Các chuyên đề tiến sĩ đòi hỏi nghiên cứu sinh tự cập nhật kiến thức mới liên quan trực tiếp đến đề tài của nghiên cứu sinh, nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học, giúp nghiên cứu sinh giải quyết một số nội dung của đề tài luận án.

3. Bài tiểu luận tổng quan về tình hình nghiên cứu và các vấn đề liên quan đến đề tài luận án đòi hỏi nghiên cứu sinh thể hiện khả năng phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu đã có của các tác giả trong và ngoài nước liên quan mật thiết đến đề tài luận án, nêu những vấn đề còn tồn tại, chỉ ra những vấn đề mà luận án cần tập trung nghiên cứu giải quyết.

Điều 17. Nghiên cứu khoa học

1. Nghiên cứu khoa học mang tính bắt buộc trong quá trình thực hiện luận án tiến sĩ. Tùy theo tính chất của lĩnh vực nghiên cứu mà Nhà trường có các yêu cầu khác nhau đối với từng nghiên cứu sinh.

2. Hoạt động nghiên cứu khoa học phải phù hợp với mục tiêu của luận án tiến sĩ. Đơn vị chuyên môn và người hướng dẫn khoa học có trách nhiệm tổ chức, bố trí cơ sở vật chất, trang thiết bị thí nghiệm và đội ngũ cán bộ nghiên cứu hỗ trợ nghiên cứu sinh thực hiện các hoạt động nghiên cứu. Đơn vị chuyên môn, người hướng dẫn khoa học và nghiên cứu sinh chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác, tính mới của kết quả nghiên cứu của luận án, chấp hành các quy định về sở hữu trí tuệ của Việt Nam và quốc tế.

3. Thời gian nghiên cứu khoa học được bố trí trong thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ. Nếu vì lý do khách quan hay chủ quan, việc nghiên cứu khoa học không thể hoàn thành trong thời gian dự kiến thì để đảm bảo chất lượng luận án nghiên cứu sinh được đăng kí kéo dài thời gian nghiên cứu. Các chi phí đào tạo trong thời gian kéo dài do nghiên cứu sinh hoặc đơn vị cử đi học chịu trách nhiệm.

4. Nhà trường có trách nhiệm kết hợp chặt chẽ công tác đào tạo tiến sĩ với công tác nghiên cứu khoa học theo các nguyên tắc sau:

a) Ưu tiên xác định đề tài luận án tiến sĩ và phân công cán bộ hướng dẫn theo các đề tài, dự án khoa học công nghệ của khoa, bộ môn;

b) Bố trí cho nghiên cứu sinh sinh hoạt khoa học và thực hiện đề tài luận án tại các phòng thí nghiệm, nhóm nghiên cứu đang thực hiện các đề tài, dự án khoa học công nghệ;

c) Cấp bổ sung kinh phí đào tạo trình độ tiến sĩ cho các đề tài, dự án khoa học công nghệ trực tiếp giải quyết các nhiệm vụ khoa học của đề tài luận án tiến sĩ; hướng dẫn các chủ nhiệm đề tài, dự án kết hợp sử dụng tốt kinh phí khoa học công nghệ của

đề tài, dự án và nguồn kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ tiến sĩ khác nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả của cả công tác nghiên cứu khoa học và đào tạo trình độ tiến sĩ;

d) Có chính sách ưu tiên giao nhiệm vụ đào tạo trình độ tiến sĩ cho các đề tài, dự án khoa học công nghệ, đồng thời ưu tiên giao nhiệm vụ nghiên cứu khoa học cho các cán bộ giảng dạy là nghiên cứu sinh, cho các nhóm nghiên cứu và các cán bộ đang hướng dẫn luận văn, luận án;

e) Hàng năm, Phòng Khoa học công nghệ, Viện Đào tạo Sau đại học chủ trì phối hợp với các Bộ môn/khoa chuyên môn và các đơn vị xét duyệt đề tài nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh từ các nguồn kinh phí nghiên cứu khoa học, đào tạo trình độ tiến sĩ và các nguồn kinh phí tài trợ, hỗ trợ khác.

Điều 18. Tổ chức giảng dạy, đánh giá các học phần, các chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan

1. Khi tiếp nhận nghiên cứu sinh, căn cứ trình độ của từng nghiên cứu sinh, văn bằng nghiên cứu sinh đã có, Viện Đào tạo Sau đại học xây dựng kế hoạch học tập theo đề xuất của các Bộ môn/khoa chuyên môn và thông báo cho nghiên cứu sinh thực hiện.

2. Đối với các học phần bổ sung ở trình độ đại học, thạc sĩ, nghiên cứu sinh phải theo học cùng các lớp đào tạo trình độ tương ứng của Trường hoặc trường khác do Nhà trường gửi đến học. Đối với các học phần ở trình độ tiến sĩ: do Nhà trường tổ chức thực hiện.

3. Việc tổ chức giảng dạy, đánh giá các học phần, tiểu luận tổng quan và các chuyên đề tiến sĩ của nghiên cứu sinh phải đảm bảo các yêu cầu sau đây:

a) Khuyến khích và đòi hỏi chủ động tự học, tự nghiên cứu của nghiên cứu sinh;

b) Các học phần ở trình độ tiến sĩ, tiểu luận tổng quan và các chuyên đề tiến sĩ được đánh giá theo thang điểm 10.

4. Nghiên cứu sinh có học phần, chuyên đề tiến sĩ hoặc tiểu luận tổng quan không đạt yêu cầu theo quy định của Nhà trường sẽ không được tiếp tục làm nghiên cứu sinh. Người chưa có bằng thạc sĩ có thể chuyển sang học và hoàn thành chương trình thạc sĩ để được cấp bằng thạc sĩ khi đạt chuẩn đầu ra trình độ thạc sĩ.

5. Tổ chức học tập các học phần bổ sung và các học phần ở trình độ tiến sĩ:

a) Với những học phần có nội dung trùng hoặc gần trùng với học phần tương ứng trong chương trình đào tạo thạc sĩ, nghiên cứu sinh có thể đăng kí học cùng với các lớp, khoá thạc sĩ cùng chuyên ngành. Đối với những học phần còn lại, nghiên cứu sinh làm đơn đăng kí học theo kế hoạch riêng và nộp Viện Đào tạo Sau đại học để giải quyết.

b) Tổ chức học tập các học phần ở trình độ tiến sĩ chủ yếu thực hiện theo hình thức tự học: cán bộ giảng dạy giới thiệu đề cương học phần, nội dung chủ yếu của giáo trình và các tài liệu tham khảo, nghiên cứu sinh nghiên cứu lý thuyết, làm thí nghiệm, thực hành, bài tập, tiểu luận; cán bộ giảng dạy và bộ môn/khoa chuyên môn tổ chức đánh giá học phần thông qua bằng một trong các hình thức thi viết, thi vấn đáp, viết tiểu luận.

6. Tổ chức thực hiện chuyên đề tiến sĩ:

a) Mỗi chuyên đề tiến sĩ gồm: tên chuyên đề, đề cương chi tiết, nội dung chuyên đề.

b) Các chuyên đề tiến sĩ chủ yếu được thực hiện bằng hình thức tự học, tự nghiên cứu của nghiên cứu sinh dưới sự giúp đỡ của cán bộ hướng dẫn. Số tín chỉ tối thiểu của mỗi chuyên đề là 2 tín chỉ.

c) Để thành lập Hội đồng đánh giá chuyên đề tiến sĩ, Bộ môn/khoa chuyên môn phải nộp cho Viện Đào tạo Sau đại học hồ sơ đề nghị thành lập Hội đồng bao gồm: đơn xin bảo vệ chuyên đề tiến sĩ của nghiên cứu sinh, Giấy đề nghị thành phần hội đồng của Trưởng Bộ môn/khoa chuyên môn, 4 bản thuyết minh báo cáo chuyên đề. Toàn bộ hồ sơ phải được Trưởng Bộ môn/khoa chuyên môn thông qua.

d) Mỗi chuyên đề cần thành lập hội đồng riêng. Thành phần hội đồng do Trưởng Bộ môn/khoa chuyên môn đề nghị. Hội đồng gồm tối thiểu là 3 thành viên, trong đó có ít nhất 1 thành viên ở ngoài trường, cán bộ hướng dẫn không được làm chủ tịch và thư kí hội đồng. Sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ, Viện Đào tạo Sau đại học trình Hiệu trưởng xem xét ra quyết định thành lập hội đồng đánh giá chuyên đề tiến sĩ.

e) Tổ chức Hội đồng đánh giá chuyên đề tiến sĩ: trong vòng 30 ngày kể từ ngày Hiệu trưởng kí quyết định thành lập Hội đồng đánh giá chuyên đề tiến sĩ, Viện Đào tạo Sau đại học phối hợp với Khoa phải tổ chức Hội đồng đánh giá chuyên đề tiến sĩ cho

nghiên cứu sinh. Trong vòng 15 ngày trước khi tổ chức hội đồng, Viện Đào tạo Sau đại học gửi thư mời và quyết định thành lập Hội đồng cho các thành viên hội đồng.

Điều 19. Đánh giá tiểu luận tổng quan và Chuyên đề tiến sĩ

1. Việc đánh giá tiểu luận tổng quan và các chuyên đề tiến sĩ được thực hiện bằng cách chấm điểm bài trình bày của nghiên cứu sinh trước hội đồng đánh giá. Điểm hoàn thành tiểu luận tổng quan và các chuyên đề tiến sĩ là từ 6.0 trở lên.

2. Việc tổ chức đánh giá tiểu luận tổng quan và các chuyên đề tiến sĩ được thực hiện như sau:

a) Trên cơ sở đề xuất của Khoa chuyên môn và Viện Đào tạo Sau đại học trình Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá gồm ít nhất ba thành viên: chủ tịch, thư kí và ủy viên.

b) Hội đồng không tổ chức họp đánh giá nếu vắng mặt từ một thành viên trở lên.

c) Thông qua báo cáo, thảo luận và trả lời câu hỏi của nghiên cứu sinh, Hội đồng sẽ cho điểm đánh giá. Điểm của các thành viên hội đồng được chấm theo thang điểm 10, có số lẻ đến 0.5 điểm. Điểm của Hội đồng đánh giá là trung bình cộng điểm các thành viên hội đồng có tham gia buổi đánh giá, được tính đến 2 số lẻ thập phân.

d) Chênh lệch về điểm giữa các thành viên hội đồng không được vượt quá 3 điểm. Nếu xảy ra trường hợp này thì Chủ tịch hội đồng triệu tập cuộc họp giữa các thành viên hội đồng và thống nhất cách xử lý. Trường hợp không thống nhất được điểm cuối cùng, Chủ tịch hội đồng là người quyết định.

e) Đối với chuyên đề tiến sĩ: Ngoài việc đánh giá nội dung chuyên môn, Hội đồng đánh giá có trách nhiệm xem xét tên đề tài luận án tiến sĩ, các yêu cầu cụ thể mà luận án sẽ tập trung nghiên cứu giải quyết, các phương pháp thực hiện, các kết quả nghiên cứu có liên quan đến đề tài luận án đã đạt được và các kết quả dự kiến sẽ đạt được. Biên bản kết luận của Hội đồng đánh giá các chuyên đề tiến sĩ là một trong những tài liệu phục vụ cho việc đánh giá luận án tiến sĩ sau này.

Mục 2

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

Điều 20. Thay đổi tên đề tài luận án và thay đổi người hướng dẫn luận án

1. Việc thay đổi đề tài luận án chỉ thực hiện trong nửa đầu thời gian đào tạo. Thay đổi đề tài luận án phải phù hợp với hướng nghiên cứu của ngành đào tạo trình độ

tiến sĩ của nghiên cứu sinh và phải được thực hiện chậm nhất 12 tháng trước khi bảo vệ luận án cấp Khoa. Tên đề tài luận án cũng có thể được điều chỉnh theo đề nghị của Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở (cấp Khoa). Tuy nhiên, việc điều chỉnh này không làm thay đổi nội dung nghiên cứu của đề tài luận án. Sau khi đánh giá luận án cấp Khoa, căn cứ trên kết luận của Hội đồng, Hiệu trưởng ra quyết định công nhận tên đề tài luận án chính thức.

2. Việc thay đổi hướng nghiên cứu chỉ giải quyết khi có lý do chính đáng và nghiên cứu sinh phải đảm bảo hoàn thành chương trình đào tạo quy định, thực hiện chậm nhất trước 12 tháng tính đến ngày kết thúc khoá học theo quyết định nhập học (bao gồm cả thời gian gia hạn, nếu có).

3. Việc thay đổi đề tài luận án, hoặc bổ sung, thay đổi người hướng dẫn chỉ thực hiện khi có những lý do chính đáng và thật cần thiết như: đề tài nghiên cứu đã lỗi thời, không thể liên lạc giảng viên,... Trong những trường hợp này, thủ tục thực hiện như sau:

a) Trước thời hạn nêu trên 30 ngày nghiên cứu sinh nộp Đơn trình bày lý do thay đổi đề tài hoặc người hướng dẫn, kế hoạch học tập nghiên cứu cụ thể tiếp theo, có ý kiến đồng ý của hội đồng hướng dẫn, bộ môn và khoa chuyên môn.

b) Viện Đào tạo Sau đại học tiếp nhận đơn, trình Hiệu trưởng xem xét ra quyết định. Sau khi nhận quyết định, nghiên cứu sinh cần đăng kí kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa tiếp theo với Khoa, tập trung giải quyết các vấn đề chuyên môn theo hướng thay đổi đảm bảo thời gian đào tạo của Quy chế này.

c) Việc bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn thực hiện chậm nhất một năm trước khi nghiên cứu sinh bảo vệ luận án.

Điều 21. Bảo vệ luận án sớm

1. Hiệu trưởng Nhà trường xem xét, quyết định cho phép bảo vệ luận án trước thời hạn khi nghiên cứu sinh hoàn thành chương trình đào tạo, đáp ứng các điều kiện để được bảo vệ luận án theo quy định.

2. Hiệu trưởng xem xét quyết định việc bảo vệ sớm căn cứ kết quả học tập và nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh, đề nghị của người hướng dẫn, đề nghị của Trưởng khoa chuyên môn.

Điều 22. Gia hạn thời gian học tập và gia hạn bảo vệ luận án

1. Nếu nghiên cứu sinh không có khả năng hoàn thành chương trình đào tạo đúng thời hạn quy định thì chậm nhất 6 tháng trước khi hết hạn phải làm đơn xin phép gia hạn học tập, có ý kiến của đơn vị cử đi học (nếu có). Việc gia hạn học tập chỉ giải quyết khi có lý do chính đáng với các điều kiện đảm bảo trong phạm vi thời gian gia hạn nghiên cứu sinh hoàn thành được nhiệm vụ học tập, nghiên cứu. Nghiên cứu sinh có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ tài chính phát sinh khi gia hạn theo thông báo của Nhà trường. Thời gian gia hạn không quá 24 tháng.

2. Điều kiện để nghiên cứu sinh được xem xét bảo vệ luận án sau khi hết thời gian đào tạo:

a) Nghiên cứu sinh đã hoàn thành các học phần, có ít nhất 2 bài báo khoa học liên quan đến nội dung nghiên cứu của đề tài đăng trên tạp chí chuyên ngành;

b) Tên đề tài, nội dung luận án, mã số chuyên ngành, cán bộ hướng dẫn khoa học không thay đổi;

c) Đề tài luận án vẫn còn ý nghĩa khoa học và thực tiễn qua đánh giá của Bộ môn/khoa chuyên môn;

d) Nghiên cứu sinh phải tự túc toàn bộ kinh phí hoàn thành và bảo vệ luận án cấp cơ sở và cấp Trường.

3. Thủ tục bảo vệ luận án sau khi hết thời gian đào tạo như sau:

a) Nghiên cứu sinh có đơn xin bảo vệ luận án tiến sĩ gửi Nhà trường, trong đó trình bày rõ lý do không bảo vệ đúng thời gian quy định, nội dung và kết quả nghiên cứu đạt được trong thời gian quá hạn;

b) Công văn của cơ quan công tác gửi Nhà trường đề nghị cho phép nghiên cứu sinh hoàn thiện và bảo vệ luận án;

c) Văn bản của người hướng dẫn có ý kiến của Bộ môn/khoa chuyên môn gửi Trường đồng ý cho nghiên cứu sinh được bảo vệ luận án;

d) Viện Đào tạo Sau đại học kiểm tra hồ sơ, kết quả học tập nghiên cứu, đơn xin bảo vệ luận án của nghiên cứu sinh trình Hiệu trưởng xem xét.

e) Việc tổ chức đánh giá luận án cấp cơ sở, cấp trường được thực hiện như đối với nghiên cứu sinh còn thời hạn học tập.

Điều 23. Nghỉ học tạm thời và buộc thôi học**1. Nghỉ học tạm thời**

a) Nghiên cứu sinh được phép nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp: Được điều động vào lực lượng vũ trang; Được cơ quan có thẩm quyền điều động, đại diện quốc gia tham dự các kỳ thi, giải đấu quốc tế hoặc thực hiện các nhiệm vụ khác của quốc gia, của ngành; Bị ốm, thai sản hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài, nhưng phải có giấy xác nhận của cơ sở khám, chữa bệnh có thẩm quyền theo quy định của Bộ Y tế.

b) Đối với các trường hợp lý do cá nhân khác, Nghiên cứu sinh chỉ được phép nghỉ học tạm thời khi hoàn thành ít nhất một học kỳ, đạt điểm trung bình chung tích lũy từ 6.0 trở lên và không thuộc các trường hợp bị xem xét buộc thôi học hoặc xem xét kỷ luật.

c) Thời gian nghỉ học tạm thời đối với trường hợp lý do cá nhân phải được tính vào thời gian tối đa để hoàn thành khóa học quy định tại khoản 2 Điều 2 Quy chế này.

d) Nghiên cứu sinh phải viết đơn xin nghỉ học tạm thời, kèm theo giấy tờ chứng nhận về việc điều động vào lực lượng vũ trang, giấy chứng nhận của cơ quan y tế trường hợp bị ốm, bị tai nạn (nếu có) và gửi cho Viện Đào tạo Sau đại học để trình Hiệu trưởng ra quyết định;

e) Nghiên cứu sinh nghỉ học tạm thời, khi muốn trở lại học tiếp phải viết đơn xin đi học tiếp và nộp cho Viện Đào tạo Sau đại học ít nhất 15 ngày làm việc trước ngày bắt đầu học kỳ mới để Nhà trường ra quyết định nhập học lại. Quá thời hạn cho phép nghỉ học tạm thời, nếu Nghiên cứu sinh không nộp đơn xin học tiếp thì sẽ bị cho thôi học.

2. Nghiên cứu sinh bị cho thôi học nếu thuộc một trong những trường hợp sau:

a) Nghiên cứu sinh có đơn xin thôi học;

b) Không hoàn thành chương trình đào tạo trong khoảng thời gian quy định tại khoản 1 & khoản 3 Điều 2 của Quy chế này;

c) Nghỉ học quá thời hạn cho phép nghỉ học tạm thời;

d) Tự ý nghỉ học không xin phép trong thời gian từ hai học kỳ trở lên;

e) Bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

f) Vi phạm nghiêm trọng quy định về thực hiện trách nhiệm của nghiên cứu sinh hoặc quy định của pháp luật đã được hội đồng chuyên môn hoặc cơ quan có thẩm quyền kết luận;

g) Vi phạm quy định của Nhà trường ở mức độ buộc thôi học.

Điều 24. Chuyển cơ sở đào tạo, chương trình đào tạo

1. Nghiên cứu sinh được phép chuyển cơ sở đào tạo, chương trình đào tạo khi có điều kiện sau đây:

a) Trong thời gian đào tạo, nếu Nghiên cứu sinh chuyển nơi cư trú sang tỉnh khác, có giấy xác nhận của chính quyền địa phương hoặc Nghiên cứu sinh được điều động công tác tới tỉnh khác theo quyết định của cấp có thẩm quyền;

b) Xin chuyển đến cơ sở đào tạo có cùng ngành, chuyên ngành đào tạo;

c) Còn đủ thời gian để hoàn thành chương trình đào tạo theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Quy chế này;

d) Được sự đồng ý của thủ trưởng các đơn vị chuyên môn phụ trách chương trình, ngành đào tạo, người phụ trách phân hiệu (nơi chuyển đi và chuyển đến) và của hiệu trưởng cơ sở đào tạo đối với trường hợp chuyển nơi học và chuyển chương trình đào tạo trong cùng một cơ sở đào tạo;

e) Không thuộc một trong các trường hợp không được phép chuyển cơ sở đào tạo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Nghiên cứu sinh không được phép chuyển cơ sở đào tạo nếu thuộc các trường hợp sau đây:

a) Đang học năm cuối;

b) Đang trong thời gian bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.

3. Thủ tục chuyển từ Trường Đại học Nguyễn Tất Thành đến các cơ sở đào tạo khác:

c) Nghiên cứu sinh xin chuyển cơ sở đào tạo phải làm hồ sơ xin chuyển cơ sở đào tạo gửi cho Viện Đào tạo Sau đại học. Hồ sơ gồm có:

- Đơn xin chuyển cơ sở đào tạo, nêu rõ lý do xin chuyển cùng xác nhận của chính quyền, cơ quan công tác điều động;

- Kết quả học tập đã đạt được (toàn bộ bảng điểm các môn học đã học theo kế hoạch xác định từ đầu khóa);

- Các loại giấy tờ khác (nếu có).

d) Sau khi Cơ sở đào tạo xin chuyển đến đồng ý bằng văn bản thì Viện Đào tạo Sau đại học xem xét, rà soát các điều kiện của Nghiên cứu sinh, trình Hiệu trưởng ra quyết định cho phép Nghiên cứu sinh được chuyển đến cơ sở đào tạo mới.

4. Thủ tục chuyển từ cơ sở đào tạo khác đến Trường Đại học Nguyễn Tất Thành:

a) Nghiên cứu sinh chuyển đến phải có đầy đủ các điều kiện nêu trong Điểm a, Khoản 3 Điều này; phải làm hồ sơ chuyển cơ sở đào tạo và nộp cho Viện Đào tạo Sau đại học. Hồ sơ chuyển cơ sở đào tạo gồm có:

- Đơn xin chuyển đến Trường Đại học Nguyễn Tất Thành, nêu rõ lý do;
- Sơ yếu lý lịch (có xác nhận của cơ quan quản lý hoặc chính quyền địa phương);
- Bản sao công chứng bằng và bảng điểm tốt nghiệp thạc sĩ/đại học;
- Bảng điểm học tập trong quá trình học tập tại cơ sở đào tạo xin chuyển đi;
- Quyết định công nhận Nghiên cứu sinh (trúng tuyển);
- Các giấy tờ khác (nếu có).

b) Viện Đào tạo Sau đại học xem xét, rà soát báo cáo Hiệu trưởng để làm công văn trả lời cơ sở đào tạo của Nghiên cứu sinh xin chuyển đi. Nếu được Trường Đại học Nguyễn Tất Thành đồng ý tiếp nhận thì Nghiên cứu sinh rút hồ sơ từ cơ sở đào tạo cũ để chuyển tới Viện Đào tạo Sau đại học, kèm theo quyết định cho phép Nghiên cứu sinh chuyển cơ sở đào tạo của cơ sở đào tạo cũ;

c) Viện Đào tạo Sau đại học trình Hiệu trưởng ra quyết định tiếp nhận Nghiên cứu sinh;

d) Căn cứ bảng điểm kết quả các môn học/học phần của Nghiên cứu sinh tại cơ sở đào tạo cũ, Viện Đào tạo Sau đại học so sánh và xác định các môn học/học phần được công nhận. Việc công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ đã tích lũy đối với Nghiên cứu sinh thuộc các trường hợp chuyển cơ sở đào tạo, chuyển chương trình đào tạo phải bảo đảm quy định tại Điều 25 Quy chế này, trình Hiệu trưởng quyết định.

Điều 25. Công nhận và chuyển đổi kết quả học tập, nghiên cứu

1. Kết quả học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh đã tích lũy trong chương trình đào tạo tiến sĩ được bảo lưu, xem xét công nhận, chuyển đổi trong những trường hợp sau:

a) Nghiên cứu sinh bị thôi học và có nguyện vọng được tiếp tục theo học chương trình đào tạo thạc sĩ ngành tương ứng nếu đáp ứng những quy định của quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành;

b) Nghiên cứu sinh chuyên ngành đào tạo hoặc cơ sở đào tạo;

c) Nghiên cứu sinh đã thôi học, đăng kí dự tuyển lại và được công nhận là nghiên cứu sinh mới của cơ sở đào tạo đã theo học.

2. Việc công nhận và chuyển đổi kết quả học tập, nghiên cứu đã tích lũy của nghiên cứu sinh phải phù hợp với nội dung, yêu cầu của chương trình đào tạo, được thực hiện trên cơ sở đề xuất của hội đồng chuyên môn. Trường hợp chuyển cơ sở đào tạo hoặc là nghiên cứu sinh mới, việc công nhận và chuyển đổi kết quả học tập, nghiên cứu tối đa không quá 50% tổng khối lượng của chương trình đào tạo. Nghiên cứu sinh được công nhận kết quả học tập nhưng vẫn phải hoàn thành toàn bộ học phí theo quy định của Nhà trường.

Chương IV

LUẬN ÁN VÀ CẤP BẰNG TIẾN SĨ

Điều 26. Yêu cầu đối với luận án tiến sĩ

1. Cấu trúc của luận án tiến sĩ bao gồm các phần sau đây:

a) Phần mở đầu: Nêu lý do lựa chọn đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu, câu hỏi nghiên cứu, mục đích, đối tượng, phạm vi nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài;

b) Tổng quan về vấn đề nghiên cứu: phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu liên quan trực tiếp đến đề tài luận án đã được công bố ở trong và ngoài nước, các vấn đề mới cần nghiên cứu hoặc bổ sung, kế thừa, phát triển;

c) Cơ sở lý thuyết, lý luận, cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu;

d) Kết quả nghiên cứu và phân tích đánh giá;

e) Kết luận và kiến nghị: trình bày những phát hiện mới, những kết luận rút ra từ kết quả nghiên cứu; kiến nghị về những nghiên cứu tiếp theo;

f) Danh mục tài liệu tham khảo được trích dẫn và sử dụng trong luận án theo quy định của Nhà trường;

g) Danh mục các bài báo/công trình khoa học đã công bố liên quan đến đề tài luận án của nghiên cứu sinh kèm theo văn bản đồng ý của các đồng tác giả (nếu có);

2. Hình thức của luận án tiến sĩ phải tuân thủ quy định Nhà trường.

3. Đạt quy định trùng lặp luận án tiến sĩ theo quy định của Nhà trường;

4. Nghiên cứu sinh có trách nhiệm hoàn thành luận án tiến sĩ trong thời gian quy định của Nhà trường và đảm bảo luận án đáp ứng đúng các yêu cầu về nội dung và hình thức theo quy định của Quy chế này.

5. Sau khi hoàn thành luận án, nghiên cứu sinh nộp luận án cho Viện Đào tạo Sau đại học để tổ chức đánh giá luận án tiến sĩ cấp đơn vị chuyên môn và cấp Trường.

Điều 27. Đánh giá và bảo vệ luận án

1. Luận án tiến sĩ được tiến hành đánh giá qua hai cấp:

a) Cấp đơn vị chuyên môn/cấp cơ sở (khoa chuyên môn);

b) Cấp trường.

2. Điều kiện để nghiên cứu sinh được đề nghị bảo vệ luận án:

a) Đã hoàn thành trong thời gian quy định luận án, chương trình học tập và các yêu cầu quy định của Chương trình đào tạo;

b) Luận án đáp ứng các yêu cầu quy định tại Điều 26 của Quy chế này và quy định của Nhà trường. Luận án được viết và bảo vệ bằng tiếng nước ngoài khi Nhà trường có khả năng thành lập Hội đồng đánh giá luận án bằng tiếng nước ngoài tương ứng;

c) Tập thể hoặc người hướng dẫn có văn bản khẳng định chất lượng luận án; nhận xét về tinh thần, thái độ, kết quả học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh và đề nghị cho nghiên cứu sinh được bảo vệ luận án;

d) Nghiên cứu sinh hiện không bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Điều 28. Đánh giá luận án cấp Đơn vị chuyên môn

1. Việc đánh giá luận án tiến sĩ cấp Đơn vị chuyên môn được tổ chức khi nghiên cứu sinh đáp ứng đủ những yêu cầu sau và yêu cầu bổ sung theo quy định của Nhà trường đối với từng chương trình đào tạo (nếu có):

a) Đã hoàn thành các học phần trong chương trình đào tạo tiến sĩ;

b) Có bản thảo luận án tiến sĩ được người hướng dẫn hoặc đồng hướng dẫn đồng ý đề xuất được đánh giá ở đơn vị chuyên môn;

c) Là tác giả chính của báo cáo hội nghị khoa học, bài báo khoa học được công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục WoS/Scopus, hoặc chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tới 0,75 điểm trở lên theo ngành đào tạo, hoặc sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín trong nước và quốc tế phát hành; các công bố phải đạt tổng điểm từ 2,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả), có liên quan và đóng góp quan trọng cho kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận án;

d) Yêu cầu tại điểm c khoản này có thể được thay thế bằng minh chứng là tác giả hoặc đồng tác giả của: 01 kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ đã đăng ký và được cấp bằng độc quyền sáng chế quốc gia, quốc tế; hoặc 01 giải thưởng chính thức của cuộc thi quốc gia, quốc tế được công nhận bởi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đối với lĩnh vực nghệ thuật và nhóm ngành thể dục, thể thao; có liên quan và đóng góp quan trọng cho kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận án.

2. Hồ sơ đăng ký đánh giá luận án tiến sĩ cấp Đơn vị chuyên môn bao gồm

a) Đơn đề nghị đánh giá luận án tiến sĩ cấp Đơn vị chuyên môn (có ý kiến đồng ý của người hướng dẫn);

b) Bản thảo luận án, bản tóm tắt luận án (có ý kiến xác nhận đồng ý cho bảo vệ của tập thể hướng dẫn);

c) Tài liệu minh chứng kết quả công bố sản phẩm khoa học theo quy định tại điểm c, d khoản 1, Điều này.

3. Thành lập hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp Đơn vị chuyên môn

a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả kiểm tra điều kiện bảo vệ luận án tiến sĩ cấp Đơn vị chuyên môn, Viện Đào tạo Sau đại học phải gửi văn bản yêu cầu Khoa chuyên môn đề xuất danh sách các nhà khoa học tham gia Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp Đơn vị chuyên môn theo quy định tại khoản 4 Điều này;

b) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu của Viện Đào tạo Sau đại học, Trưởng Khoa chuyên môn phải đề xuất danh sách nhà khoa

học tham gia Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp Đơn vị chuyên môn và gửi cho Viện Đào tạo Sau đại học để trình Hiệu trưởng xem xét quyết định;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được danh sách đề xuất các nhà khoa học tham gia Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp Đơn vị chuyên môn từ Trưởng khoa, Viện Đào tạo Sau đại học phải hoàn thành thủ tục trình Hiệu trưởng ký quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp Đơn vị chuyên môn. Quyết định này phải được gửi cho các thành viên Hội đồng, cùng với bản thảo luận án của nghiên cứu sinh trước ngày tổ chức họp đánh giá luận án tại đơn vị chuyên môn ít nhất 20 ngày làm việc;

d) Viện Đào tạo Sau đại học có trách nhiệm thông báo cho các nghiên cứu sinh và học viên thạc sĩ quan tâm tham gia buổi đánh giá luận án tiến sĩ cấp Đơn vị chuyên môn. Khoa chuyên môn có trách nhiệm thông báo cho các thành viên của đơn vị mình tham gia buổi đánh giá luận án tiến sĩ cấp Đơn vị chuyên môn trước khi tổ chức phiên họp.

4. Số lượng, thành phần và tiêu chuẩn thành viên hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp Đơn vị chuyên môn được quy định như sau:

a) Số lượng thành viên Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp Đơn vị chuyên môn gồm 05 người có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học hoặc bằng tiến sĩ, có ngành hoặc chuyên môn phù hợp với đề tài luận án, trong đó số thành viên ngoài Trường tối thiểu là 02 người;

b) Thành viên Hội đồng gồm chủ tịch, thư ký, 02 phản biện và ủy viên khác, trong đó có 01 phản biện là cán bộ của Nhà trường và 01 phản biện là người ngoài Trường; phản biện không được là đồng tác giả với nghiên cứu sinh trong những công bố khoa học có liên quan đến luận án; Chủ tịch Hội đồng là cán bộ của Nhà trường, có ngành phù hợp với chuyên môn của đề tài luận án; 01 người hướng dẫn nghiên cứu sinh có thể tham gia Hội đồng với tư cách là ủy viên;

Trường hợp nghiên cứu sinh phải bảo vệ lại ở cấp Đơn vị chuyên môn thì số lượng nhà khoa học tham gia Hội đồng đánh giá luận án lần sau phải đảm bảo trùng tối thiểu 5 thành viên mời nhận xét luận án đã tham gia ở lần đánh giá trước để nhận xét quá trình hoàn thiện luận án của nghiên cứu sinh; trong đó, phải có mặt những người có ý kiến chưa tán thành đưa luận án ra đánh giá ở Hội đồng đánh giá cấp Trường;

c) Luận án chỉ được đề nghị đưa ra đánh giá ở Hội đồng đánh giá cấp Trường khi có tối thiểu 6 nhà khoa học được mời nhận xét luận án ở lần đánh giá cuối cùng tán thành (ghi trong phiếu nhận xét luận án).

5. Phương thức, trình tự tiến hành đánh giá luận án cấp Đơn vị chuyên môn

a) Việc đánh giá luận án tiến sĩ cấp Đơn vị chuyên môn bảo đảm đúng tính chất là sinh hoạt khoa học, hỗ trợ nghiên cứu sinh hoàn thiện luận án trước khi thực hiện quy trình phản biện độc lập và bảo vệ luận án tại Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp Trường; Đánh giá luận án tiến sĩ cấp Đơn vị chuyên môn được tổ chức tối đa 2 lần, không tổ chức bảo vệ cấp Đơn vị chuyên môn lần thứ 3. Thời gian thành lập hội đồng đánh giá cấp Đơn vị chuyên môn lần hai không quá 9 tháng tính từ thời điểm thành lập hội đồng đánh giá cấp Đơn vị chuyên môn lần đầu. Thời gian tối đa sửa luận án sau bảo vệ lần 2 để trình Hội đồng thông qua là 6 tháng. Nếu quá thời gian này luận án tiến sĩ vẫn không được Hội đồng thông qua, nghiên cứu sinh sẽ bị buộc thôi học. Nghiên cứu sinh có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài chính phát sinh từ việc bảo vệ lại luận án.

b) Trình tự thực hiện buổi đánh giá luận án tiến sĩ cấp Đơn vị chuyên môn:

- Chủ tịch Hội đồng nêu lý do, mục đích và trình tự phiên họp đánh giá luận án tiến sĩ cấp Đơn vị chuyên môn;

- Thư ký Hội đồng công bố Quyết định của Hiệu trưởng về việc thành lập Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp Đơn vị chuyên môn;

- Nghiên cứu sinh trình bày tóm tắt kết quả nghiên cứu trong thời gian không quá 30 phút;

- Những người phản biện và các ủy viên trình bày nhận xét luận án hoặc nêu ý kiến trao đổi, thảo luận về nội dung luận án.

- Các các nhân khác tham gia buổi đánh giá luận án nêu ý kiến trao đổi, góp ý cho luận án (nếu có);

- Nghiên cứu sinh trả lời các câu hỏi hoặc nêu ý kiến trao đổi, thảo luận, tranh luận về các vấn đề liên quan đến đề tài luận án;

- Chủ tịch Hội đồng công bố kết luận của Hội đồng về luận án, trong đó chỉ rõ: Luận án đạt hoặc chưa đạt yêu cầu về nội dung, hình thức để được đánh giá ở cấp Trường. Nếu Hội đồng kết luận là luận án đạt yêu cầu thì cần nêu rõ: nghiên cứu sinh phải chính sửa, bổ sung những nội dung nào trước khi đưa ra bảo vệ tại Hội đồng đánh

giá luận án tiến sĩ cấp Trường, hoặc nếu luận án không cần chỉnh sửa, bổ sung và có thể đưa ra bảo vệ ở Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp Trường.

Điều 29. Phản biện độc lập

1. Phản biện độc lập là quy trình bắt buộc trước khi luận án của nghiên cứu sinh được đưa ra bảo vệ tại Hội đồng đánh giá luận án của Trường. Chậm nhất không quá 06 tháng tính từ thời điểm nghiên cứu sinh hoàn thành thủ tục trình luận án sau khi đã được đơn vị chuyên môn thông qua, Viện Đào tạo Sau đại học hoàn thành quy trình phản biện độc lập cho nghiên cứu sinh.

2. Trường hợp 1 trong 2 phản biện độc lập lần đầu không đồng ý, Viện Đào tạo Sau đại học gửi luận án cho phản biện 3. Trường hợp phải thực hiện lấy ý kiến phản biện độc lập lần thứ hai theo quy định tại khoản 3 Điều này thì thời gian được kéo dài thêm tối đa 03 tháng.

3. Luận án của nghiên cứu sinh được gửi lấy ý kiến phản biện của 02 nhà khoa học hoặc chuyên gia không phải là cán bộ của Trường, có chuyên môn phù hợp với đề tài luận án, đáp ứng tiêu chuẩn như đối với người hướng dẫn độc lập quy định tại Điều 34 của Quy chế này. Người phản biện độc lập không có lợi ích liên quan trực tiếp tới nghiên cứu sinh và người hướng dẫn; không có quan hệ cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con, anh, chị, em ruột với nghiên cứu sinh, không có liên hệ hợp tác, hỗ trợ trực tiếp nghiên cứu sinh về chuyên môn liên quan đến nội dung luận án và người hướng dẫn trong quá trình thực hiện luận án.

4. Việc phản biện độc lập phải đảm bảo khách quan và minh bạch. Ý kiến kết luận của người phản biện độc lập đối với luận án phải ghi rõ đồng ý hay không đồng ý về chuyên môn. Luận án được xác định là đạt quy trình phản biện độc lập khi được 02 người phản biện độc lập đồng ý. Nếu có 01 người phản biện không đồng ý, Nhà trường gửi luận án để lấy ý kiến của thêm 01 người phản biện độc lập khác làm căn cứ quyết định. Trong trường hợp 02 người phản biện độc lập không đồng ý về chất lượng chuyên môn của luận án, nghiên cứu sinh và người hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung luận án và triển khai quy trình gửi lấy ý kiến phản biện độc lập lần thứ hai. Không thực hiện lấy ý kiến phản biện độc lập lần thứ ba.

5. Thông tin về người phản biện độc lập được giữ kín đối với nghiên cứu sinh, người hướng dẫn và đơn vị chuyên môn. Người phản biện độc lập không tiếp xúc hoặc yêu cầu nghiên cứu sinh cung cấp thông tin, giải trình ý kiến phản biện. Mọi liên hệ

với người phản biện trong quá trình phản biện độc lập thuộc trách nhiệm của Nhà trường. Những ý kiến giải trình của nghiên cứu sinh được gửi cho Trường và trình bày tại buổi bảo vệ luận án. Các phản biện độc lập phải có trách nhiệm bảo mật nhiệm vụ, chức trách của mình, kể cả khi đã hoàn thành việc phản biện.

6. Quy trình phản biện độc lập được thực hiện như sau:

a) Phụ trách của Viện Đào tạo Sau đại học trình Hiệu trưởng xin ý kiến phản biện độc lập danh sách của ít nhất 05 nhà khoa học có chức danh khoa học, học vị tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ có trình độ chuyên môn cao và chuyên sâu theo hướng đề tài nghiên cứu của nghiên cứu sinh,

b) Căn cứ nội dung luận án của nghiên cứu sinh và tham khảo danh sách của các nhà khoa học, Hiệu trưởng quyết định danh sách 02 phản biện độc lập để lấy ý kiến;

c) Phụ trách của Viện Đào tạo Sau đại học gửi hồ sơ gồm: 01 quyển luận án, 01 quyển tóm tắt luận án, 01 bộ công trình khoa học (các bài báo, đề tài nghiên cứu,...) đã xóa tên nghiên cứu sinh và người hướng dẫn tới 02 phản biện độc lập đã được duyệt;

d) Sau khi nhận được nhận xét của phản biện độc lập, toàn văn bản nhận xét (đã xóa tên) của phản biện độc lập sẽ được Viện Đào tạo Sau đại học tổng hợp, hướng dẫn và gửi cho tác giả luận án để nghiên cứu sinh nghiên cứu, tiếp thu sửa chữa hoặc bảo lưu quan điểm của mình, có văn bản giải trình và ý kiến xác nhận của người hướng dẫn nộp cho Viện Đào tạo Sau đại học. Trong thời gian không quá 01 tháng kể từ ngày nhận được nhận xét của phản biện độc lập, nghiên cứu sinh phải chỉnh sửa luận án và nộp về Viện Đào tạo Sau đại học gồm 01 bản luận án bìa cứng, 01 bản tóm tắt luận án và bản giải trình chỉnh sửa của nghiên cứu sinh để Viện Đào tạo Sau đại học làm thủ tục trình Hiệu trưởng thành lập Hội đồng bảo vệ luận án cấp trường.

e) Trong trường hợp phản biện độc lập yêu cầu được xem lại nội dung đã tiếp thu, chỉnh sửa luận án của nghiên cứu sinh, các thủ tục trình Hiệu trưởng thành lập Hội đồng bảo vệ luận án cấp trường chỉ được thực hiện sau khi có sự đồng ý của phản biện độc lập đó. Hồ sơ và thủ tục gửi lại cho phản biện độc lập như lần đầu.

Điều 30. Đánh giá luận án cấp trường

1. Yêu cầu đối với luận án tiến sĩ để được bảo vệ tại Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp Trường:

a) Là báo cáo khoa học tổng hợp kết quả học tập và nghiên cứu của nghiên cứu sinh, thể hiện nghiên cứu sinh có khả năng độc lập nghiên cứu, sáng tạo tri thức, có giá trị làm gia tăng tri thức khoa học của lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề xuất những ý tưởng, giải pháp mới giải quyết những vấn đề đang đặt ra ở lĩnh vực nghiên cứu trong những hoàn cảnh thực tiễn cụ thể;

b) Đạt quy trình phản biện độc lập;

c) Tuân thủ quy định của Nhà trường về hình thức trình bày, kiểm soát đạo văn và những tiêu chuẩn về liên chính học thuật; minh bạch nguồn tham khảo kết quả nghiên cứu chung của nghiên cứu sinh và của những tác giả khác (nếu có) và thực hiện đúng các quy định khác có liên quan và của pháp luật về sở hữu trí tuệ;

d) Hoàn thành học phí, lệ phí theo quy định;

e) Nghiên cứu sinh không trong thời gian thi hành án hình sự hoặc bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên.

2. Việc thành lập Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp trường bảo đảm những yêu cầu sau:

a) Số lượng thành viên Hội đồng tối thiểu có 05 người, trong đó, số thành viên chưa có chức danh giáo sư, phó giáo sư không quá 02 người; số thành viên ngoài Trường tối thiểu là 02 người;

b) Thành phần Hội đồng gồm chủ tịch, thư ký, phản biện, ủy viên và thư kí, trong đó có ít nhất 01 phản biện là người ngoài Trường; phản biện không được là đồng tác giả với nghiên cứu sinh trong những công bố khoa học có liên quan đến luận án; chủ tịch Hội đồng phải là giáo sư hoặc phó giáo sư ngành phù hợp với chuyên môn của đề tài luận án, là giảng viên hoặc nghiên cứu viên cơ hữu của Nhà trường;

c) Tiêu chuẩn về năng lực nghiên cứu của thành viên Hội đồng như tiêu chuẩn về năng lực nghiên cứu của người hướng dẫn chính theo quy định tại Điều 34 trừ thư ký Hội đồng phải đáp ứng quy định như đối với giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ quy định tại Điều 33 của Quy chế này;

d) Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con, anh, chị, em ruột của nghiên cứu sinh không tham gia Hội đồng.

3. Trong thời gian tối đa 03 tháng kể từ khi luận án của nghiên cứu sinh đạt quy trình phản biện độc lập, Nhà trường tổ chức họp Hội đồng đánh giá luận án. Việc tổ chức buổi đánh giá luận án cho nghiên cứu sinh bảo đảm những yêu cầu sau:

a) Thời gian, địa điểm tổ chức đánh giá luận án, tóm tắt và toàn văn luận án, trang thông tin về những điểm mới của luận án bằng tiếng Việt và tiếng Anh hoặc tiếng nước ngoài khác được công bố công khai trên Cổng thông tin điện tử của Nhà trường (trừ trường hợp đánh giá luận án theo chế độ mật);

b) Không tổ chức họp Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường trong trường hợp chủ tịch hoặc thư ký hoặc vắng mặt quá một thành viên Hội đồng;

c) Trường hợp tổ chức đánh giá luận án trực tuyến phải bảo đảm có ít nhất 03 thành viên Hội đồng có mặt trực tiếp cùng nghiên cứu sinh; trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh bất khả kháng thực hiện theo hướng dẫn cụ thể của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

d) Mọi thủ tục chuẩn bị tổ chức buổi đánh giá luận án do Nhà trường thực hiện; nghiên cứu sinh và người hướng dẫn không tiếp xúc hoặc liên hệ với các thành viên Hội đồng trước buổi đánh giá luận án.

4. Hội đồng phải bỏ phiếu và quyết nghị thông qua hoặc không thông qua luận án; yêu cầu những nội dung phải chỉnh sửa, bổ sung nếu cần thiết trong trường hợp thông qua; kiến nghị hoặc không kiến nghị tổ chức đánh giá lại trong trường hợp không thông qua. Luận án được thông qua nếu không có hoặc chỉ có 01 thành viên Hội đồng có mặt tại buổi đánh giá không đồng ý về chuyên môn. Diễn biến của buổi đánh giá luận án được ghi biên bản; trong trường hợp tổ chức trực tuyến phải được ghi âm, ghi hình đầy đủ và lưu trữ tại Viện Đào tạo Sau đại học.

a) Quyết nghị về luận án trong đó nêu rõ: kết quả đánh giá luận án của các thành viên Hội đồng; những đóng góp mới của luận án về lý luận và thực tiễn; những thiếu sót về nội dung và hình thức của luận án; tính trung thực của kết quả nghiên cứu; kết luận của Hội đồng về việc không thông qua luận án và lý do hoặc thông qua luận án (bao gồm cả yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung, nếu có), kiến nghị công nhận trình độ, cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh;

b) Biên bản buổi đánh giá luận án cấp trường được toàn thể thành viên Hội đồng có mặt thông qua và có chữ ký xác nhận của chủ tịch và thư ký Hội đồng.

5. Trong trường hợp cần thiết (vì lý do khách quan hoặc do có thành viên đề nghị không tham gia Hội đồng), Hiệu trưởng quyết định về việc thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp trường và thời hạn liên quan đến hoạt động của Hội đồng được tính từ ngày quyết định cuối cùng về việc thay đổi, bổ sung.

Điều 31. Bảo vệ lại luận án

1. Trong trường hợp luận án của nghiên cứu sinh không được Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp Trường thông qua ở buổi bảo vệ lần thứ nhất nhưng được Hội đồng kiến nghị cho phép bảo vệ lại, chậm nhất không quá 06 tháng tính từ thời điểm tổ chức đánh giá luận án lần thứ nhất, Nhà trường thành lập Hội đồng đánh giá và tổ chức cho nghiên cứu sinh được bảo vệ luận án lần thứ hai.

2. Không tổ chức đánh giá lại luận án khi không có kiến nghị của Hội đồng đánh giá luận án lần thứ nhất; không tổ chức đánh giá luận án lần thứ ba.

3. Thời gian tối đa cho phép nghiên cứu sinh sửa chữa luận án để trình bảo vệ lần hai là 05 tháng. Quy trình, thủ tục đối với việc đánh giá luận án lần thứ hai thực hiện như lần thứ nhất. Thành phần Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp trường lần thứ hai như hội đồng lần thứ nhất hoặc phải có tối thiểu 03 thành viên đã tham gia Hội đồng lần thứ nhất, trong đó có đủ những thành viên có ý kiến không tán thành luận án.

Điều 32. Bảo vệ luận án theo chế độ mật

1. Trong trường hợp đặc biệt nếu đề tài nghiên cứu liên quan đến bí mật quốc gia, thuộc danh mục bí mật nhà nước của Bộ, Ngành thì Hiệu trưởng Bộ, Ngành có văn bản đề nghị Hiệu trưởng xác định tính chất mật của luận án ngay từ khi bắt đầu triển khai để sau này có cơ sở xem xét cho luận án bảo vệ theo chế độ mật; quản lý hồ sơ, tài liệu liên quan đến nghiên cứu và thực hiện luận án theo chế độ mật trong suốt quá trình đào tạo. Việc xem xét cho một luận án bảo vệ theo chế độ mật phải được tiến hành trước khi đánh giá luận án ở cấp cơ sở. Nhà trường phải báo cáo và được Bộ Giáo dục và Đào tạo đồng ý bằng văn bản trước khi tổ chức cho nghiên cứu sinh bảo vệ luận án theo chế độ mật phải được tiến hành trước khi đánh giá luận án ở cấp cơ sở theo chế độ mật.

2. Danh sách Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở và cấp trường, danh sách các cán bộ tham dự ngoài Hội đồng, danh sách những đơn vị và cá nhân được gửi luận án

và tóm tắt luận án phải được Bộ, Ngành quản lý bí mật đó đề nghị Hiệu trưởng xem xét.

3. Khi tổ chức cho một luận án bảo vệ theo chế độ mật, trường không phải thông báo công khai về buổi bảo vệ của nghiên cứu sinh trên các phương tiện truyền thông. Thời gian và địa điểm bảo vệ chỉ những người có trách nhiệm và những người được phép tham dự biết. Trình tự bảo vệ luận án theo chế độ mật thực hiện bảo vệ luận án theo chế độ công khai.

4. Số lượng bản thảo luận án và tóm tắt luận án cũng như các bản chính thức phải được xác định và phải đóng dấu mật. Tất cả hồ sơ buổi bảo vệ mật phải được quản lý chặt chẽ theo quy chế bảo mật của Nhà nước.

5. Ngoài các quy định tại các khoản 2, 3 và 4 của Điều này, người bảo vệ luận án theo chế độ mật vẫn phải thực hiện các quy định chung đối với nghiên cứu sinh.

Điều 33. Công nhận trình độ và cấp bằng tiến sĩ

1. Nghiên cứu sinh được xét công nhận trình độ và cấp bằng tiến sĩ khi đáp ứng những yêu cầu sau:

a) Luận án của nghiên cứu sinh đã được Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp trường đồng ý thông qua;

b) Nghiên cứu sinh đã nộp cho Nhà trường (cả bản in và bản điện tử) luận án hoàn chỉnh cuối cùng có chữ ký của nghiên cứu sinh, xác nhận của người hướng dẫn; xác nhận Chủ tịch Hội đồng đánh giá luận án sau khi đã hoàn thành chỉnh sửa, bổ sung luận án (nếu có) trong thời gian 30 ngày sau khi bảo vệ luận án thành công;

c) Nghiên cứu sinh đã nộp Thư viện Nhà trường và Thư viện Quốc gia Việt Nam (cả bản điện tử và bản in) tóm tắt luận án và toàn văn luận án hoàn chỉnh cuối cùng có chữ ký của nghiên cứu sinh, chữ ký của người hướng dẫn và xác nhận của Nhà trường;

d) Hoàn thành lệ phí tốt nghiệp theo quy định.

2. Toàn văn luận án hoàn chỉnh cuối cùng của nghiên cứu sinh được đăng trên Cổng thông tin điện tử của Viện Đào tạo Sau đại học (saudaihoc.ntt.edu.vn) (trừ những luận án được đánh giá theo chế độ mật) trong thời gian 03 tháng kể từ khi nghiên cứu sinh đáp ứng đủ yêu cầu theo Quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Sau thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này, Hội đồng xét tốt nghiệp tổ chức xét và ban hành quyết định công nhận trình độ tiến sĩ cho nghiên cứu sinh.

4. Hồ sơ xét công nhận trình độ tiến sĩ và cấp bằng tiến sĩ, bao gồm:
- a) Biên bản của buổi đánh giá luận án tiến sĩ cấp Trường;
 - b) Quyết nghị đồng ý thông qua luận án của Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp Trường;
 - c) Biên bản kiểm phiếu, phiếu đánh giá luận án có chữ ký của tất cả thành viên Hội đồng có mặt tại buổi đánh giá luận án;
 - d) Bản nhận xét, đánh giá của người hướng dẫn nghiên cứu sinh; bản xác nhận đã hoàn thành chỉnh sửa, bổ sung luận án của người hướng dẫn và Chủ tịch Hội đồng đánh giá luận án (nếu có);
 - e) Hoàn thành học phí, lệ phí của Nhà trường;
 - f) Biên nhận Thư viện Trường và Thư viện Quốc gia Việt Nam xác nhận nghiên cứu sinh đã gửi luận án, hồ sơ sau bảo vệ.

5. Trường cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày quyết định công nhận trình độ tiến sĩ có hiệu lực.

6. Đối với các Nghiên cứu sinh không đủ điều kiện tốt nghiệp theo thời gian học tập quy định tại Quy chế này, Hiệu trưởng cấp chứng nhận kết quả các học phần Nghiên cứu sinh đã tích lũy trong chương trình đào tạo.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 34. Giảng viên giảng dạy chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ

Giảng viên giảng dạy chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ phải có các tiêu chuẩn sau đây:

1. Có phẩm chất đạo đức và tư cách tốt.
2. Có bằng tiến sĩ hoặc chức danh giáo sư, phó giáo sư ở chuyên ngành hoặc ngành phù hợp với học phần sẽ đảm nhiệm trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.
3. Có năng lực chuyên môn tốt và hiện đang hoạt động nghiên cứu khoa học, thể hiện ở các bài báo, công trình được công bố trước và trong thời gian tham gia giảng dạy chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

4. Có năng lực ngoại ngữ, ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác giảng dạy, nghiên cứu và triển khai những hoạt động trao đổi, hợp tác quốc tế về lĩnh vực chuyên môn đảm nhiệm trong chương trình đào tạo tiến sĩ.

5. Người chưa có chức danh giáo sư, phó giáo sư phải đáp ứng thêm những yêu cầu sau:

a) Có thời gian giảng dạy ở trình độ đại học hoặc thạc sĩ từ 01 năm (12 tháng) trở lên kể từ khi có bằng tiến sĩ;

b) Trong thời gian 05 năm (60 tháng) tính đến thời điểm được phân công giảng dạy có công bố liên quan đến chuyên môn giảng dạy với vai trò là tác giả đứng tên đầu hoặc tác giả liên hệ của 02 bài báo, báo cáo khoa học trong các ấn phẩm được tính tới 0,75 điểm trở lên theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định; hoặc là tác giả hoặc đồng tác giả của 01 sách chuyên khảo do các nhà xuất bản trong nước và quốc tế phát hành hoặc của 01 chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế phát hành (sau đây gọi chung là tác giả chính);

c) Đối với giảng viên giảng dạy những chương trình thuộc lĩnh vực nghệ thuật có thể thay thế yêu cầu tại điểm b khoản này bằng danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân do nhà nước trao tặng.

Điều 35. Người hướng dẫn nghiên cứu sinh

1. Người hướng dẫn nghiên cứu sinh phải có các tiêu chuẩn quy định tại Điều 34 của Quy chế và các tiêu chuẩn sau :

a) Có các bài báo, công trình nghiên cứu khoa học công bố trong 5 năm trở lại đây;

b) Có tên trong thông báo của Nhà trường về danh mục các đề tài, hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu dự định nhận nghiên cứu sinh vào năm tuyển sinh;

c) Có khả năng đặt vấn đề và hướng dẫn nghiên cứu sinh giải quyết vấn đề khoa học đã đặt ra;

d) Có năng lực ngoại ngữ phục vụ nghiên cứu chuyên ngành và trao đổi khoa học quốc tế;

e) Có trách nhiệm cao để thực hiện nhiệm vụ hướng dẫn nghiên cứu sinh.

2. Mỗi nghiên cứu sinh có không quá hai người hướng dẫn, trong đó có 01 người là cán bộ cơ hữu của Nhà trường hoặc có hợp đồng giảng dạy, nghiên cứu khoa học;

làm việc theo chế độ trọn thời gian tại Trường với thời hạn của hợp đồng phù hợp với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa của nghiên cứu sinh. Trường hợp có hai người hướng dẫn, Nhà trường quy định rõ vai trò, trách nhiệm của người hướng dẫn thứ nhất (người hướng dẫn chính) và người hướng dẫn thứ hai.

3. Tại cùng một thời điểm, người có chức danh giáo sư được hướng dẫn độc lập tối đa 07 nghiên cứu sinh; người có chức danh phó giáo sư, hoặc có bằng tiến sĩ khoa học được hướng dẫn độc lập tối đa 05 nghiên cứu sinh; người có bằng tiến sĩ được hướng dẫn độc lập tối đa 03 nghiên cứu sinh. Trường hợp đồng hướng dẫn 01 nghiên cứu sinh được tính quy đổi tương đương hướng dẫn độc lập 0,5 nghiên cứu sinh.

4. Là tác giả chính của báo cáo hội nghị khoa học, bài báo khoa học được công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục Web of Science hoặc Scopus (sau đây gọi chung là danh mục WoS/Scopus) hoặc chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tới 0,75 điểm trở lên, hoặc sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín trong nước và quốc tế phát hành; các công bố phải đạt tổng điểm từ 4,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả); hoặc

5. Là tác giả hoặc đồng tác giả của ít nhất 01 kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ đã đăng kí và được cấp bằng độc quyền sáng chế quốc gia hoặc quốc tế; hoặc của ít nhất 01 giải thưởng chính thức của cuộc thi quốc gia hoặc quốc tế được công nhận bởi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đối với lĩnh vực nghệ thuật và nhóm ngành thể dục, thể thao.

Điều 36. Quyền và Nhiệm vụ của giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ và người hướng dẫn nghiên cứu sinh

1. Giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ và người hướng dẫn nghiên cứu sinh thực hiện nhiệm vụ và quyền theo quy định tại các Điều 55, Điều 58 Luật Giáo dục đại học (được sửa đổi, bổ sung năm 2018)

2. Duyệt kế hoạch học tập và nghiên cứu của nghiên cứu sinh.

3. Xác định các học phần cần thiết trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bao gồm: các học phần ở trình độ đại học, trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ, các chuyên

đề tiến sĩ cho nghiên cứu sinh; đề xuất với Bộ môn/khoa chuyên môn để trình Hiệu trưởng quyết định.

4. Lên kế hoạch tuần, tháng, quý, năm làm việc với nghiên cứu sinh. Tổ chức, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra và đôn đốc nghiên cứu sinh học tập và thực hiện đề tài luận án, tham gia hội nghị khoa học, duyệt và giúp nghiên cứu sinh công bố các kết quả nghiên cứu.

5. Giúp đỡ nghiên cứu sinh chuẩn bị báo cáo chuyên đề theo lịch trình của Bộ môn/khoa chuyên môn; chuẩn bị bài giảng, tài liệu giảng dạy để tham gia giảng dạy, trợ giảng; hướng dẫn sinh viên thực hành, thực tập và nghiên cứu khoa học.

6. Có nhận xét về tình hình học tập, nghiên cứu, tiến độ đạt được của nghiên cứu sinh trong các báo cáo định kỳ của nghiên cứu sinh gửi Bộ môn/khoa chuyên môn và chịu trách nhiệm về những đánh giá này.

7. Duyệt luận án của nghiên cứu sinh, xác nhận các kết quả đã đạt được và đề nghị cho nghiên cứu sinh bảo vệ, nếu luận án đã đáp ứng các yêu cầu quy định.

8. Đề xuất hoặc có ý kiến về những thay đổi trong quá trình học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh;

9. Đề xuất để nghiên cứu sinh được đánh giá luận án tại đơn vị chuyên môn và được bảo vệ luận án tại Hội đồng đánh giá luận án của Trường.

10. Thường xuyên cập nhật kiến thức mới, cải tiến phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng đào tạo, thực hiện tư vấn giúp đỡ người học trong học tập và nghiên cứu

11. Tuân thủ quy định, pháp luật và nội quy của Nhà trường. Trung thực, khách quan, công bằng trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học, trong đối xử với người học.

12. Tham gia vào xây dựng chương trình đào tạo, tham gia nghiên cứu khoa học, vận dụng kết quả nghiên cứu vào giảng dạy.

13. Được hưởng đầy đủ các chính sách theo quy định của nhà nước và của Nhà trường.

14. Các nhiệm vụ khác theo quy định của Hiệu trưởng.

Điều 37. Quyền và Trách nhiệm của nghiên cứu sinh

Thực hiện quyền và trách nhiệm theo Quy định tại Điều 12 Thông tư 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, ngoài ra Nghiên cứu sinh còn thực hiện quyền và trách nhiệm như sau:

1. Nghiên cứu sinh được tiếp cận các nguồn tài liệu, sử dụng thư viện, các trang thiết bị thí nghiệm phục vụ cho học tập, nghiên cứu khoa học và thực hiện luận án tại Trường Đại học Nguyễn Tất Thành.

2. Đảm bảo hoàn thành học phí và lệ phí theo quy định của Nhà trường.

Điều 38. Trách nhiệm của Bộ môn/khoa chuyên môn

Đơn vị chuyên môn có quyền và trách nhiệm sau:

1. Phân công, đề xuất thay đổi người hướng dẫn cho nghiên cứu sinh có chuyên môn phù hợp, đáp ứng các tiêu chuẩn của Quy chế này;

2. Thông qua Hội đồng Khoa học và đào tạo, Khoa quyết định các học phần cần thiết trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bao gồm các học phần bổ sung, các học phần tiến sĩ; tổng quan và các chuyên đề tiến sĩ;

3. Thông qua kế hoạch học tập và nghiên cứu chi tiết hằng năm của nghiên cứu sinh; tạo điều kiện, hỗ trợ, đôn đốc, giám sát và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh;

4. Phân công giảng viên giảng dạy các học phần, giới thiệu thành viên tham gia hội đồng chấm đề cương chi tiết, tiểu luận tổng quan và các chuyên đề tiến sĩ, hội đồng bảo vệ luận án tiến sĩ cấp Đơn vị chuyên môn và danh sách dự kiến hội đồng cấp Trường cho nghiên cứu sinh;

5. Tổ chức sinh hoạt khoa học định kỳ cho nghiên cứu sinh; triển khai đánh giá luận án của nghiên cứu sinh tại đơn vị chuyên môn; thông qua đề nghị cho nghiên cứu sinh được bảo vệ luận án tại Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường;

6. Xây dựng, bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo; Xác định các định hướng nghiên cứu, người hướng dẫn; Xác định chỉ tiêu tuyển sinh cho đề án tuyển sinh trình độ tiến sĩ mỗi năm;

7. Xây dựng đội ngũ cơ hữu đảm bảo tiêu chuẩn hướng dẫn và tham gia các hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ các cấp; Xây dựng đề án mở chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ.

Điều 39. Nhiệm vụ và quyền hạn của các đơn vị

1. Hội đồng Khoa học và Đào tạo

Hội đồng Khoa học và Đào tạo làm nhiệm vụ tư vấn cho Hiệu trưởng về những chủ trương, chính sách và định hướng phát triển quan trọng có tính chất lâu dài trong công tác tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ của Nhà trường; xem xét, khuyến nghị và đề xuất lãnh đạo các cấp phê duyệt chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ của nhà trường.

2. Viện Đào tạo Sau đại học

Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể quy định tại các điều khoản trên đây; việc công khai theo quy định tại Điều 42 văn bản này và nhiệm vụ, quyền hạn sau:

a) Triển khai các văn bản, quy trình trong công tác tuyển sinh và đào tạo tiến sĩ, phổ biến các quy định cho các đơn vị trong Nhà trường;

b) Xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý công tác đào tạo trình độ tiến sĩ của Nhà trường; Phối hợp với các Khoa, Đơn vị nghiên cứu và các Bộ môn để quản lý chuyên môn trong công tác đào tạo trình độ tiến sĩ của Nhà trường. Chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về quản lý chất lượng đào tạo trình độ tiến sĩ của Nhà trường;

c) Tham gia phối hợp với các đơn vị xây dựng mới, cập nhật và hiệu chỉnh chương trình đào tạo đối với các chuyên ngành mà Nhà trường đã được phép đào tạo, trình Hiệu trưởng ban hành;

d) Tổ chức và quản lý quá trình đào tạo theo chương trình đào tạo đã được Nhà trường ban hành;

e) Là đơn vị thường trực Hội đồng tuyển sinh trình độ tiến sĩ hàng năm, xây dựng chỉ tiêu, chủ trì kế hoạch tuyển sinh, chính sách tuyển sinh;

f) Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo, lưu trữ về tuyển sinh theo quy định;

g) Chịu trách nhiệm về công tác tổ chức đào tạo, luận văn, đề án;

h) Chịu trách nhiệm xét tốt nghiệp, in, cấp bằng và quản lý văn bằng, sổ gốc văn bằng tốt nghiệp;

i) Tổ chức bảo quản và lưu trữ các tài liệu, hồ sơ của Nghiên cứu sinh liên quan đến học tập, xét tốt nghiệp trong khu vực an toàn và thực hiện theo quy định hiện hành về công tác lưu trữ theo quy định;

j) Thực hiện báo cáo tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ.

3. Các Đơn vị nghiên cứu, Khoa và Bộ môn

Các Đơn vị nghiên cứu, Khoa và Bộ môn là các đơn vị chuyên môn về đào tạo, nghiên cứu khoa học và công nghệ của các chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ của Nhà trường, có nhiệm vụ tham gia vào hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học trong công tác đào tạo trình độ tiến sĩ của Nhà trường. Trách nhiệm của các Đơn vị nghiên cứu, Khoa và Bộ môn trong công tác đào tạo trình độ tiến sĩ được quy định:

- a) Tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ;
- b) Đề xuất với Viện Đào tạo Sau đại học danh sách những giảng viên, nhà khoa học tham gia hướng dẫn khoa học, Hội đồng đánh giá luận văn/đề án cho các Nghiên cứu sinh theo kế hoạch của Nhà trường;
- c) Phối hợp với Viện Đào tạo Sau đại học kiểm tra, giám sát giảng viên, người hướng dẫn khoa học của Đơn vị thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định;
- d) Tổ chức sinh hoạt khoa học để Nghiên cứu sinh thạc sĩ có thể tham hoạt động nghiên cứu khoa học;

4. Các đơn vị hỗ trợ khác

Các đơn vị hỗ trợ như: Phòng Khoa học công nghệ, Phòng Truyền thông, Trung tâm tư vấn tuyển sinh, Trung tâm khảo thí, Viện Elearning, Phòng Quản trị thông tin và đơn vị liên quan khác của Nhà trường thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm được giao trong công tác tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ.

Điều 40. Đảm bảo chất lượng và Liêm chính khoa học

1. Đảm bảo chất lượng được triển khai trong suốt quá trình đào tạo theo các quy định hiện hành của Nhà trường và của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- a) Đảm bảo chất lượng trong công tác tuyển sinh;
- b) Đảm bảo chất lượng trong công tác đào tạo;
- c) Thực hiện lấy ý kiến của các bên liên quan;
- d) Đối sánh chất lượng với các chương trình đào tạo đã được kiểm định.

2. Liêm chính khoa học

Liêm chính khoa học trong đào tạo tiến sĩ được Nhà trường thực hiện theo Quy định về kiểm soát và chống đạo văn trong các sản phẩm học thuật của Trường Đại học Nguyễn Tất Thành, trong đó:

- a) Liêm chính khoa học trong hoạt động nghiên cứu khoa học;
- b) Liêm chính khoa học trong luận án tiến sĩ.

Điều 41. Khiếu nại, tố cáo

1. Nghiên cứu sinh, các cơ quan tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại, tố cáo về những vi phạm trong quá trình tuyển sinh, đào tạo, thực hiện luận án, tổ chức bảo vệ và đánh giá luận án, trong thời gian hai tháng kể từ ngày bảo vệ.

2. Phòng Thanh tra chủ trì phối hợp với Viện sau đại học và các đơn vị liên quan giải quyết khiếu nại, tố cáo.

3. Việc khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại tố cáo thực hiện theo quy định của pháp luật về Khiếu nại, tố cáo.

Điều 42. Hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát tuyển sinh và đào tạo

1. Hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát tuyển sinh và đào tạo thực hiện theo quy định về tổ chức và hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát của Trường.

2. Phòng Thanh tra xây dựng kế hoạch, tổ chức thanh tra theo kế hoạch và thanh tra đột xuất khi cần thiết đối với tất cả các khâu tuyển sinh, đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường.

3. Viện Đào tạo sau Đại học phối hợp với các khoa, viện đào tạo có nghiên cứu sinh tổ chức kiểm tra tiến độ và quy trình thực hiện các hoạt động chuyên môn của tổ chức, cá nhân có liên quan..

Điều 43. Xử lý vi phạm

1. Trường hợp nghiên cứu sinh bị phát hiện đã có những vi phạm, gian lận trong hồ sơ dự tuyển, trong quá trình dự tuyển, dự kiểm tra và đánh giá kết quả học tập nghiên cứu, trong quá trình thực hiện và bảo vệ luận án thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị kỷ luật từ khiển trách, cảnh cáo, tạm ngừng học tập, đình chỉ học tập đến thu hồi văn bằng đã được cấp.

2. Nghiên cứu sinh vi phạm các quy định Nhà trường sẽ bị xử lý từ khiển trách, cảnh cáo đến huỷ bỏ kết quả học tập, huỷ bỏ quyền được bảo vệ luận án. Nếu thông tin về người phản biện độc lập bị tiết lộ thì những người liên quan đến quá trình gửi luận án đi xin ý kiến phản biện độc lập bị xem xét kỷ luật theo quy định của Nhà trường.

3. Người hướng dẫn nghiên cứu sinh vi phạm các quy định tại Điều 34, Điều 35 của Quy chế này, tùy theo mức độ vi phạm, sẽ bị xử lý theo các hình thức: không được nhận thêm nghiên cứu sinh mới, không được tiếp tục hướng dẫn nghiên cứu sinh hiện tại hoặc không được nhận nghiên cứu sinh mới trong 3 năm tiếp theo.

Điều 44. Chế độ công khai

1. Quy chế của Nhà trường và các quy định quản lý đào tạo có liên quan đến tuyển sinh, tổ chức đào tạo và cấp bằng tiến sĩ;
2. Các điều kiện bảo đảm chất lượng theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và những thông tin khác theo quy định.

Điều 45. Chế độ báo cáo, lưu trữ

1. Hoàn thiện cơ sở dữ liệu nội bộ và cập nhật dữ liệu về đào tạo tiến sĩ trong cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục đại học bao gồm: thông tin tuyển sinh; thông tin của nghiên cứu sinh; thông tin của giảng viên và người hướng dẫn; thông tin về kết quả hoạt động khoa học và công nghệ liên quan đến đào tạo tiến sĩ; thông tin về cấp bằng tiến sĩ; tóm tắt và toàn văn luận án hoàn chỉnh của nghiên cứu sinh đã nộp Thư viện Quốc gia Việt Nam;
2. Lưu trữ và bảo quản hồ sơ tuyển sinh và quá trình đào tạo và cấp văn bằng của nghiên cứu sinh theo quy định pháp luật hiện hành.



TS. Trần Ai Cẩm

PHỤ LỤC I

**DANH SÁCH MỘT SỐ CHỨNG CHỈ TIẾNG NƯỚC NGOÀI MINH CHỨNG
CHO TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ CỦA NGƯỜI DỰ TUYỂN**

Stt	Ngôn ngữ	Bằng/Chứng chỉ/Chứng nhận	Trình độ/Thang điểm
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	Từ 46 trở lên
		IELTS	Từ 5.5 trở lên
		Cambridge Assessment English Vantage/Linguaskill	Thang điểm: từ 160 trở lên
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF từ 400 trở lên DELF B2 trở lên Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe -Institut	Goethe- Zertifikat B2 trở lên
		The German TestDaF language certificate	TestDaF level 4 (TDN 4) trở lên
4	Tiếng Trung Quốc	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 4 trở lên
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N3 trở lên
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКИ-2 trở lên
7	Các ngôn ngữ tiếng nước ngoài khác	Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Từ bậc 4 trở lên